|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG:** THPT ĐỖ ĐĂNG TUYỂN  **TỔ:** TOÁN – TIN | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA GIÁO VIÊN**

**MÔN TOÁN - KHỐI LỚP 11 - KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG**

(Năm học 2025 - 2026)

1. **Kế hoạch dạy học chi tiết**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Học kì 1** | **18 Tuần x 3 tiết = 54 tiết** | **Chuyên đề**  **18 x 1= 18 tiết** | **Hoạt động trải nghiệm 04 tiết** |
| **Học kì 2** | **17 Tuần x 3 tiết = 51 tiết** | **Chuyên đề**  **17 x 1=17 tiết** | **Hoạt động trải nghiệm 03 tiết** |

* Họ và tên giáo viên: Nguyễn Thị Kim Anh
* Phân công giảng dạy: lớp 11/4, 11/8.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| HỌC KÌ I: 18 TUẦN | | | |
| **TUẦN** | **TIẾT** | **BÀI HỌC** | **YÊU CẦU CẦN ĐẠT** |
| **CHƯƠNG I: HÀM SỐ LƯỢNG GIÁC VÀ CHƯƠNG TRÌNH LƯỢNG GIÁC (10 tiết)** | | | |
| **1** | 1, 2, 3 | Bài 1: Giá trị lượng giác của góc lượng giác | - Nhận biết các khái niệm cơ bản về góc lượng giác.  - Nhận biết khái niệm giá trị lượng giác của một góc lượng giác.  - Mô tả bảng giá trị lượng giác của một số góc lượng giác thường gặp; hệ thức cơ bản giũa các giá trị lượng giác của một góc lượng giác; quan hệ giữa các giá trị lượng giác của các góc lượng giác có liên quan đặc biệt: bù nhau, phụ nhau, đối nhau, hơn kém nhau .  - Sử dụng máy tính cầm tay để tính giá trị lượng giác của một góc lượng giác khi biết số đo của góc đó.  - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với giá trị lượng giác của góc lượng giác. |
| **2** | 4, 5 | Bài 2: Công thức lượng giác | - Mô tả các phép biến đổi lượng giác cơ bản: công thức cộng; công thức góc nhân đôi; công thức biến đổi tích thành tổng và công thức biến đổi tổng thành tích.  - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với giá trị lượng giác của góc lượng giác và các phép biến đổi lượng giác. |
| 6 | Bài 3: Hàm số lượng giác | - Nhận biết các khái niệm về hàm số chẵn, hàm số lẻ, hàm số tuần hoàn.  - Nhận biết các đặc trưng hình học cùa đồ thị hàm số chẵn, hàm số lẻ, hàm số tuần hoàn.  - Nhận biết các hàm số lượng giác ,  thông qua đường tròn lượng giác. Mô tả bảng giá trị cùa bốn hàm số lượng giác đó trên một chu kì.  - Vẽ đồ thị của các hàm số ,  .  - Giải thích tập xác đính; tập giá trị; tính chất chẵn, lẻ; tính tuần hoàn; chu kì; khoảng đồng biến, nghịch biến cùa các hàm số , dựa vào đồ thị.  - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với hàm số lượng giác. |
| **3** | 7 | Bài 3: Hàm số lượng giác (tiếp theo) |  |
| 8, 9 | Bài 4: Phương trình lượng giác cơ bản | - Nhận biết công thức nghiệm của phương trình lượng giác cơ bản bằng cách vận dụng đồ thị hàm số lượng giác tương ứng.  - Tính nghiệm gần đúng của phương trình lượng giác cơ bản bằng máy tính cầm tay.  - Giải phương trình lượng giác ở dạng vận dụng trực tiếp phương trình lượng giác cơ bản.  - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với phương trình lượng giác. |
| **4** | 10 | *Bài tập cuối chương I* | - Hệ thống kiến thức lý thuyết của chương.  - Hệ thống các dạng toán cơ bản của chương và nhắc lại ngắn gọn phương pháp giải cùng những lưu ý cần thiết. |
| **CHƯƠNG II: DÃY SỐ, CẤP SỐ CỘNG VÀ CẤP SỐ NHÂN (7 tiết)** | | |
| 11, 12 | Bài 5: Dãy số | - Nhận biết dãy số hữu hạn, dãy số vô hạn.  - Thể hiện cách cho dãy số bằng liệt kê các số hạng; bằng công thức tổng quát; bằng hệ thức truy hồi; bằng cách mô tả.  - Nhận biết tính chất tăng, giảm, bị chặn cùa dãy số trong những trường hợp đơn giản. |
| **5** | 13, 14 | Bài 6: Cấp số cộng | - Nhận biết một dãy số là cấp số cộng.  - Giải thích công thức xác định số hạng tổng quát cùa cấp số cộng.  - Tính tổng cùa *n* số hạng đầu của cấp số cộng.  - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với cấp số cộng. |
| 15 | Bài 7: Cấp số nhân | - Nhận biết một dãy số là cấp số nhân.  - Giải thích công thức xác định số hạng tổng quát cùa cấp số nhân.  - Tính tổng của *n* số hạng đầu của cấp số nhân.  - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với cấp số nhân để giải một số bài toán liên quan đến thực tiễn. |
| **6** | 16 | Bài 7: Cấp số nhân (tiếp theo) |  |
| 17 | *Bài tập cuối chương II* | - Hệ thống kiến thức lý thuyết của chương.  - Hệ thống các dạng toán cơ bản của chương và nhắc lại ngắn gọn phương pháp giải cùng những lưu ý cần thiết. |
| **CHƯƠNG III: CÁC SỐ ĐẶC TRƯNG ĐO XU THẾ TRUNG TÂM CỦA MẪU SỐ LIỆU GHÉP NHÓM (4 tiết)** | | |
| 18 | Bài 8: Mẫu số liệu ghép nhóm | - Đọc và giải thích mẫu số liệu ghép nhóm.  - Ghép nhóm mẫu số liệu. |
| **7** | 19, 20 | Bài 9: Các số đặc trưng đo xu thế trung tâm | - Tính các số đặc trưng đo xu thế trung tâm cùa mẫu số liệu ghép nhóm.  - Hiểu ý nghĩa, vai trò của các số đặc trưng của mẫu số liệu thực tế. |
| 21 | *Bài tập cuối chương III* | -Hệ thống kiến thức lý thuyết của chương.  -Hệ thống các dạng toán cơ bản của chương và nhắc lại ngắn gọn phương pháp giải cùng những lưu ý cần thiết. |
| **8** | 22 | ***Ôn tập giữa kỳ I*** | - Hệ thống kiến thức lý thuyết.  - Hệ thống các dạng toán cơ bản và phương pháp giải ( chú ý các lưu ý cần thiết khi giải toán).  - Áp dụng các kiến thức đã học vào các bài toán liên hệ thực tiễn . |
| 23, 24 | ***Kiểm tra giữa kỳ I*** | ***Kiến thức:*** Kiểm tra đánh giá những kiến thức mà học sinh đã học  ***Kĩ năng:***  Rèn luyện kĩ năng vận dụng kiến thức đã học, giải bài tập, phân tích, tư duy của học sinh.  ***Năng lực:***  Năng lực tự học, sáng tạo, giải quyết vấn đề, tính toán sử dụng ngôn ngữ.  ***Phẩm chất:*** Trung thực nghiêm túc trong kiểm tra. |
| **CHƯƠNG IV: QUAN HỆ SONG SONG TRONG KHÔNG GIAN (15 tiết)** | | | |
| **9** | 25, 26, 27 | Bài 10: Đường thẳng và mặt phẳng trong không gian. | - Nhận biết các quan hệ liên thuộc cơ bản giữa điểm, đường thẳng, mặt phẳng trong không gian.  - Mô tả ba cách xác định mặt phẳng.  - Xác định giao tuyến của hai mặt phẳng, giao điểm cùa đường thẳng và mặt phẳng.  - Nhận biết hình chóp và hình tứ diện.  - Mô tả một số hình ảnh trong thực tiễn có liên quan đến đường thẳng, mặt phẳng trong không gian. |
| **10** | 28, 29, 30 | Bài 11: Hai đường thẳng song song | - Nhận biết vị trí tương đối của hai đường thẳng trong không gian: hai đường thẳng trùng nhau, song song, cắt nhau, chéo nhau.  - Giải thích tính chất cơ bản cùa hai đường thẳng song song trong không gian.  - Vận dụng kiến thức về hai đường thẳng song song để mô tả một số hình ảnh trong thực tiễn. |
| **11** | 31, 32 | Bài 12: Đường thẳng song song với mặt phẳng | - Nhận biết đường thẳng song song với mặt phẳng.  - Giải thích điều kiện để đường thẳng song song với mặt phẳng.  - Giải thích tính chất cơ bản về đường thẳng song song với mặt phẳng.  - Mô tả một số hình ảnh trong thực tiễn có liên quan đến đường thẳng song song với mặt phẳng. |
| 33 | Bài 13: Hai mặt phẳng song song | - Nhận biết hai mặt phẳng song song trong không gian.  - Giải thích điều kiện để hai mặt phẳng song song.  - Giải thích tính chất cơ bản về hai mặt phẳng song song.  - Giải thích định lí Thalès trong không gian.  - Giải thích tính chất cơ bàn cùa hình lăng trụ và hình hộp.  - Mô tả một số hình ảnh trong thực tiễn có liên quan đến hai mặt phẳng song song trong không gian. |
| **12** | 34, 35, 36 | Bài 13: Hai mặt phẳng song song  (tiếp theo) |  |
| **13** | 37, 38 | Bài 14: Phép chiếu song song | - Nhận biết khái niệm và tính chất cơ bản về phép chiếu song song.  - Xác định ảnh của một điểm, một đoạn thẳng, một tam giác, một đường tròn qua phép chiếu song song.  - Vẽ hình biểu diễn cùa một số hình khối đơn giản.  - Mô tả một số hình ảnh trong thực tiễn có liên quan đến phép chiếu song song. |
| 39 | *Bài tập cuối chương IV (1 tiết)* | - Hệ thống kiến thức lý thuyết của chương.  - Hệ thống các dạng toán cơ bản của chương và nhắc lại ngắn gọn phương pháp giải cùng những lưu ý cần thiết. |
| **CHƯƠNG V: GIỚI HẠN. HÀM SỐ LIÊN TỤC (7 tiết)** | | | |
| **14** | 40, 41 | Bài 15: Giới hạn của dãy số | - Nhận biết khái niệm giới hạn cùa dãy số.  - Giải thích một số giới hạn cơ bàn.  - Vận dụng các phép toán giới hạn để tìm giới hạn của một số dãy số đơn giản.  - Tính tổng của một cấp số nhân lùi vô hạn và vận dụng được kết quả đó để giải quyết một số tình huống thực tiễn giả định hoặc liên quan đến thực tiễn. |
| 42 | Bài 16: Giới hạn của hàm số | - Nhận biết khái niệm giới hạn hữu hạn của hàm số tại một điểm và tại vô cực.  - Nhận biết khái niệm giới hạn một phía.  - Nhận biết khái niệm giới hạn vô cực.  - Tính một số dạng giới hạn của hàm số.  - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với giới hạn của hàm số. |
| **15** | 43 | Bài 16: Giới hạn của hàm số  (tiếp theo) |  |
| 44, 45 | Bài 17: Hàm số liên tục | - Nhận dạng hàm số liên tục tại một điểm, hoặc trên một khoảng, trên một đoạn.  - Nhận dạng tính liên tục của tổng, hiệu, tích, thương của hai hàm số liên tục.  - Nhận biết tính liên tục cùa một số hàm sơ cấp cơ bản trên tập xác định cùa chúng. |
| **16** | 46 | *Bài tập cuối chương V* | - Hệ thống kiến thức lý thuyết của chương.  - Hệ thống các dạng toán cơ bản của chương và nhắc lại ngắn gọn phương pháp giải cùng những lưu ý cần thiết. |
| 47, 48 | ***Ôn tập cuối kỳ I*** | - Hệ thống kiến thức lý thuyết.  - Hệ thống các dạng toán cơ bản và phương pháp giải.  - Áp dụng các kiến thức đã học vào các bài toán liên hệ thực tiễn . |
| **17** | 49,50 | ***Kiểm tra cuối kỳ I*** | ***Kiến thức:*** Kiểm tra đánh giá những kiến thức mà học sinh đã học  ***Kĩ năng:***  Rèn luyện kĩ năng vận dụng kiến thức đã học, giải bài tập, phân tích, tư duy của học sinh.  ***Năng lực:***  Năng lực tự học, sáng tạo, giải quyết vấn đề, tính toán sử dụng ngôn ngữ.  ***Phẩm chất:*** Trung thực nghiêm túc trong kiểm tra. |
| **HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH TRẢI NGHIỆM (4 tiết)** | | |
| 51 | *Một vài ứng dụng của toán học trong tài chính* | Học sinh biết vận dụng toán học đề giải quyết một số vấn đề tài chính như bài toán gửi tiết kiệm tích luỹ, bài toán vay trả góp. |
| **18** | 52 | *Một vài ứng dụng của toán học trong tài chính ( tiếp theo)* |  |
| 53, 54 | *Lực căng mặt ngoài của nước* | - Học sinh biết thực hiện thí nghiệm để thu thập dữ liệu, biết sử dụng những số đặc trưng cùa số liệu ghép nhóm để so sánh kết quả và rút ra một số kết luận. |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HỌC KÌ II: 17 TUẦN** | | | |
| **TUẦN** | **TIẾT** | **BÀI DẠY** | **YÊU CẦU CẦN ĐẠT** |
| **CHƯƠNG VI: HÀM SỐ MŨ VÀ HÀM SỐ LOGARIT (8 tiết)** | | | |
| **19** | 55, 56 | Bài 18: Lũy thừa với số mũ thực | **-** Nhận biết khái niệm lũy thừa với số mũ nguyên của một số thực khác ; lũy thừa với số mũ hữu tỉ và lũy thừa với số mũ thực của một số thực dương.  - Giải thích các tính chất của lũy thừa với số mũ nguyên, lũy thừa với số mũ hữu tỉ và lũy thừa với số mũ thực.  - Sử dụng tính chất của phép tính lũy thừa trong tính toán các biểu thức số và rút gọn các biểu thức chứa biến.  - Tính giá trị biểu thức số có chứa phép tính lũy thừa bằng cách sử dụng máy tính cầm tay.  - Giải quyết một số vấn đề có liên quan đến môn học khác hoặc thực tiễn gắn liền với phép tính lũy thừa. |
| 57 | Bài 19: Logarit | - Nhận biết khái niệm lôgarit cơ số  của một số thực dương.  - Giải thích các tính chất của phép tính lôgarit nhờ sử dụng định nghĩa hoặc các tính chất đã biết trước đó.  - Sử dụng tính chất của phép tính lôgarit trong tính toán các biểu thức số và rút gọn các biểu thức chứa biến.  - Tính giá trị (đúng hoặc gần đúng) của lôgarit bằng cách sử dụng máy tính cầm tay.  - Giải quyết một số vấn đề có liên quan đến môn học khác hoặc thực tiễn gắn với phép tính lôgarit. |
| **20** | 58 | Bài 19: Logarit (tiếp theo) |  |
| 59 | Bài 20: Hàm số mũ và hàm số logarit | - Nhận biết hàm số mũ và hàm số logarit. Nêu một số ví dụ thực tế về hàm số mũ, hàm số logarit.  - Nhận dạng đồ thị của các hàm số mũ, hàm số logarit.  - Giải thích các tính chất của hàm số mũ, hàm số logarit thông qua đồ thị của chúng.  - Giải quyết một số vấn đề có liên quan đến môn học khác hoặc thực tiễn gắn với hàm số mũ và hàm số logarit. |
| 60 | Bài 21: Phương trình, bất phương trình mũ và logarit | - Giải phương trình, bất phương trình mũ và lôgarit ở dạng đơn giản.  - Giải quyết một số vấn đề liên môn hoặc có liên quan đến thực tiển gắn với phương trình, bất phương trình mũ và lôgarit. |
| **21** | 61 | Bài 21: Phương trình, bất phương trình mũ và logarit (tiếp theo) |  |
| 62 | *Bài tập cuối chương VI* | - Hệ thống kiến thức lý thuyết của chương.  - Hệ thống các dạng toán cơ bản của chương và nhắc lại ngắn gọn phương pháp giải cùng những lưu ý cần thiết. |
| **CHƯƠNG VII: QUAN HỆ VUÔNG GÓC TRONG KHÔNG GIAN (17 tiết)** | | |
| 63 | Bài 22: Hai đường thẳng vuông góc | - Nhận biết góc giữa hai đường thẳng.  - Nhận biết hai đường thẳng vuông góc.  - Chứng minh hai đường thẳng vuông góc trong một số tình huống đơn giản.  -Vận dụng kiến thức về quan hệ vuông góc giữa hai đường thẳng để mô tả một số hình ảnh thực tế. |
| **22** | 64 | Bài 22: Hai đường thẳng vuông góc  (tiếp theo) |  |
| 65,66 | Bài 23: Đường thẳng vuông góc với mặt phẳng | - Nhận biết đường thẳng vuông góc với mặt phẳng  - Điều kiện để đường thẳng vuông góc với mặt phẳng  - Giải thích mối liên hệ giữa quan hệ song song và quan hệ vuông góc của đường thẳng và mặt phẳng  - Vận dụng kiến thức về quan hệ vuông góc giữa đường thẳng và mặt phẳng vào thực tế |
| **23** | 67 | Bài 23: Đường thẳng vuông góc với mặt phẳng (tiếp theo) |  |
| 68,69 | Bài 24: Phép chiếu vuông góc, góc giữa đường thẳng và mặt phẳng | - Nhận biết phép chiếu vuông góc.  - Xác định hình chiếu vuông góc của một điểm, một đường thẳng, một tam giác.  - Giải thích định lí ba đường vuông góc.  - Nhận biết và tính góc giữa đường thẳng và mặt phẳng trong một số trường hợp đơn giản.  - Vận dụng kiến thức về góc giữa đường thẳng và mặt phẳng để mô tả một số hình ảnh thực tế. |
| **24** | 70, 71, 72 | Bài 25: Hai mặt phẳng vuông góc | - Nhận biết góc giữa hai mặt phẳng, hai mặt phẳng vuông góc.  - Xác định điều kiện hai mặt phẳng vuông góc.  - Giải thích tính chất cơ bản của hai mặt phẳng vuông góc.  - Nhận biết góc phẳng của góc nhị diện, tính góc phẳng nhị diện trong một số trường hợp đơn giản.  - Giải thích tính chất cơ bản của hình chóp đều, hình lăng trụ đứng (và các trường hợp đặc biệt của nó).  - Vận dụng kiến thức của bài học để mô tả một số hình ảnh thực tế. |
| **25** | 73 | Bài 25: Hai mặt phẳng vuông góc (tiếp theo) |  |
| 74,75 | Bài 26: Khoảng cách | - Xác định khoảng cách giữa các đối tượng điểm, đường thẳng, mặt phẳng.  - Xác định đường vuông góc chung của hai đường thẳng chéo nhau trong các trường hợp đơn giản.  - Vận dụng kiến thức về khoảng cách vào một số tình huống thực tế. |
| **26** | 76 | Bài 26: Khoảng cách (tiếp theo) |  |
| 77,78 | Bài 27: Thể tích | - Nhận biết công thức tính thể tích của khối chóp, khối lăng trụ, khối hộp, khối chóp cụt đều  - Tính thể tích của khối chóp, khối lăng trụ, khối hộp, khối chóp cụt đều trong một số tình huống đơn giản.  - Vận dụng kiến thức, kỹ năng về thể tích vào một số bài toán thực tế. |
| **27** | 79 | ***Ôn tập giữa kỳ II*** | - Hệ thống kiến thức lý thuyết.  - Hệ thống các dạng toán cơ bản và phương pháp giải (chú ý các lưu ý cần thiết khi giải toán).  - Áp dụng các kiến thức đã học vào các bài toán liên hệ thực tiễn . |
| 80, 81 | ***Kiểm tra giữa kỳ II*** | ***Kiến thức:*** Kiểm tra đánh giá những kiến thức mà học sinh đã học  ***Kĩ năng:***  Rèn luyện kĩ năng vận dụng kiến thức đã học, giải bài tập, phân tích, tư duy của học sinh.  ***Năng lực:***  Năng lực tự học, sáng tạo, giải quyết vấn đề, tính toán sử dụng ngôn ngữ.  ***Phẩm chất:*** Trung thực nghiêm túc trong kiểm tra. |
| **28** | 82 | *Bài tập cuối chương VII* | - Hệ thống kiến thức lý thuyết của chương.  - Hệ thống các dạng toán cơ bản của chương và nhắc lại ngắn gọn phương pháp giải cùng những lưu ý cần thiết.  - Áp dụng các kiến thức đã học vào các bài toán liên hệ thực tiễn . |
| **CHƯƠNG VIII: CÁC QUY TẮC TÍNH XÁC SUẤT (9 tiết)** | | |
| 83,84 | Bài 28: Biến cố hợp, biến cố giao, biến cố độc lập | - Nhận biết các khái niệm biến cố hợp, biến cố giao, biến cố độc lập. |
| **29** | 85 | Bài 28: Biến cố hợp, biến cố giao, biến cố độc lập (tiếp theo) |  |
| 86,87 | Bài 29: Công thức cộng xác suất | - Tính xác suất của biến cố hợp của hai biến cố xung khắc bằng cách sử dụng công thức cộng xác suất.  - Tính xác suất của biến cố hợp của hai biến cố bất kì bằng cách sử dụng công thức cộng xác suất và phương pháp tổ hợp. |
| **30** | 88 | Bài 29: Công thức cộng xác suất (tiếp theo) |  |
| 89,90 | Bài 30: Công thức nhân cho 2 biến cố độc lập | Tính xác suất của biến cố giao của hai biến cố độc lập bằng cách sử dụng công thức nhân xác suất và sơ đồ hình cây. |
| **31** | 91 | *Bài tập cuối chương VIII* | - Hệ thống kiến thức lý thuyết của chương.  - Hệ thống các dạng toán cơ bản của chương và nhắc lại ngắn gọn phương pháp giải cùng những lưu ý cần thiết.  - Áp dụng các kiến thức đã học vào các bài toán liên hệ thực tiễn . |
| **CHƯƠNG IX: ĐẠO HÀM (7 tiết)** | | |
| 92, 93 | Bài 31: Định nghĩa và ý nghĩa của đạo hàm | - Nhận biết một số bài toán dẫn đến khái niệm đạo hàm.  - Nhận biết định nghĩa đạo hàm. Tính đạo hàm cùa một số hàm đơn giản bằng định nghĩa.  - Nhận biết ý nghĩa hình học của đạo hàm. Thiết lập phương trình tiếp tuyến cùa đồ thị hàm số tại một điểm thuộc đồ thị.  - Vận dụng định nghĩa đạo hàm vào giải quyết một số bài toán thực tiễn. |
| **32** | 94, 95, 96 | Bài 32: Các quy tắc tính đạo hàm | - Tính đạo hàm của một số hàm sơ cấp cơ bản.  - Sử dụng các công thức tính đạo hàm của tổng, hiệu, tích, thương các hàm số và đạo hàm của hàm số hợp.  - Vận dụng các quy tắc đạo hàm để giải quyết một số bài toán thực tiễn. |
| **33** | 97 | Bài 33: Đạo hàm cấp hai | - Nhận biết khái niệm đạo hàm cấp hai của một hàm số.  - Tính đạo hàm cấp hai của một số hàm số đơn giản.  - Vận dụng đạo hàm cấp hai để giải quyết một số bài toán thực tiễn. |
| 98 | *Bài tập cuối chương IX* | - Hệ thống kiến thức lý thuyết của chương.  - Hệ thống các dạng toán cơ bản của chương và nhắc lại ngắn gọn phương pháp giải cùng những lưu ý cần thiết. |
| 99 | ***Ôn tập cuối học kì 2*** | - Hệ thống kiến thức lý thuyết.  - Hệ thống các dạng toán cơ bản và phương pháp giải.  - Áp dụng các kiến thức đã học vào các bài toán liên hệ thực tiễn . |
| **34** | 100 | ***Ôn tập cuối học kì 2*** *(tiếp theo)* |  |
| 101, 102 | ***Kiểm tra cuối học kì 2*** | ***Kiến thức:*** Kiểm tra đánh giá những kiến thức mà học sinh đã học  ***Kĩ năng:***  Rèn luyện kĩ năng vận dụng kiến thức đã học, giải bài tập, phân tích, tư duy của học sinh.  ***Năng lực:***  Năng lực tự học, sáng tạo, giải quyết vấn đề, tính toán sử dụng ngôn ngữ.  ***Phẩm chất:***  Trung thực nghiêm túc trong kiểm tra. |
| **HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH TRẢI NGHIỆM (3 tiết)** | | | |
| **35** | 103 | *Một số mô hình toán học sử dụng hàm số mũ và hàm số logarit* | - Vận dụng được các kiến thức toán học vào lĩnh vực Giáo dục dân số, chẳng hạn: vận dụng cấp số cộng, cấp số nhân để giải thích quy luật tăng trưởng dân số  - Vận dụng hàm số mũ, hàm số lôgarit để giải thích ảnh hưởng của sự tăng trưởng dân số tới tiến bộ kinh tế – xã hội, giải thích mối liên hệ giữa sự tăng trưởng dân số với môi trường sinh thái,... |
| 104, 105 | *Hoạt động thực hành trải nghiệm hình học* | - Tổ chức các hoạt động ngoài giờ chính khoá: câu lạc bộ toán học; cuộc thi về Toán, dự án học tập, ra báo tường (hoặc nội san) về Toán, như: câu lạc bộ về ứng dụng toán học trong khoa học máy tính và công nghệ thông tin,...  - Tổ chức giao lưu học sinh giỏi Toán trong trường và trường bạn, giao lưu với các chuyên gia nhằm hiểu rõ hơn về vai trò của Toán học trong thực tiễn và trong các ngành nghề. |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP** | | | | |
| 1 | CĐ1- Bài 1.Phép biến hình | 2 | C1,C2 | - Nhận biết khái niệm phép biến hình.  - Nhận biết khái niệm ảnh của một điểm, của một hình qua một phép biến hình. |
| 2 | CĐ1- Bài 2. Phép tịnh tiến | 2 | C3,C4 | **-** Nhận biết phép tịnh tiến và các tính chất của phép tịnh tiến.  - Xác định ảnh của điểm, đoạn thẳng, tam giác, đường tròn qua phép tịnh tiến.  **-** Vận dụng phép tịnh tiến trong đồ họa và trong một  số vấn đề thực tiễn. |
| 3 | CĐ1- Bài 3. Phép đối xứng trục | 2 | C5,C6 | **-** Nhận biết phép đối xứng trục và các tính chất của phép đối xứng trục.  - Xác định ảnh của điểm, đoạn thẳng, tam giác, đường tròn qua phép đối xứng trục.  **-** Vận dụng phép đối xứng trục trong đồ họa và trong  một số vấn đề thực tiễn. |
| 4 | CĐ1- Bài 4. Phép quay và phép đối xứng tâm | 2 | C7,C8 | **-** Nhận biết phép quay, phép đối xứng tâm và các tính chất của chúng.  - Xác định ảnh của điểm, đoạn thẳng, tam giác, đường tròn qua phép quay, phép đối xứng tâm. |
| 5 | CĐ1- Bài 5. Phép dời hình | 1 | C9 | - Nhận biết khái niệm phép dời hình.  - Vận dụng phép dời hình vào thiết kế đồ họa. |
| 6 | CĐ1- Bài 6. Phép vị tự | 2 | C10,C11 | **-** Nhận biết phép vị tự.  - Nhận biết tính chất của phép vị tự.  - Xác định ảnh của điểm, đoạn thẳng, tam giác, đường tròn 7qua phép vị tự. |
| 7 | CĐ1- Bài 7. Phép đồng dạng | 1 | C12 | - 8Nhận biết khái niệm phép đồng dạng.  - Vận dụng được phép đồng dạng trong thực tiễn. |
| 8 | Bài tập cuối chuyên đề I | 2 | C13,C14 | - Hệ thống kiến thức lý thuyết của chuyên đề.  - Hệ thống các dạng toán cơ bản của chuyên đề và nhắc lại ngắn gọn phương pháp giải cùng những lưu ý cần thiết. |
| 9 | CĐ2- Bài 8. Một vài khái niệm cơ bản | 3 | C15,C16,  C17 | Nhận biết một số khái niệm cơ bản: đồ thị, đỉnh, cạnh, đường đi, chu trình, bậc của đỉnh. |
| 10 | CĐ2- Bài 9. Đường đi Euler và đường đi Hamilton | 3 | C18,C19,  C20 | Nhận biết đường đi Euler và đường đi Hamilton từ đồ  thị. |
| 11 | CĐ2- Bài 10. Bài toán tìm đường đi tối ưu trong một vài trường hợp đơn giản | 3 | C21,C22,  C23 | - Nhận biết được thuật toán về tìm đường đi tối ưu trong những trường hợp đơn giản.  - Sử dụng kiến thức về đồ thị để giải quyết một số  tình huống liên quan đến thực tiễn. |
| 12 | Bài tập cuối chuyên đề 2 | 2 | C24,C25 | - Hệ thống kiến thức lý thuyết của chuyên đề.  - Hệ thống các dạng toán cơ bản của chuyên đề và nhắc lại ngắn gọn phương pháp giải cùng những lưu ý cần thiết. |
| 13 | CĐ3- Bài 11. Hình chiếu vuông góc và hình chiếu trục đo | 4 | C26,C27,  C28,C29 | - Nhận biết được hình biểu diễn của vật thể.  - Nhận biết được hình chiếu vuông góc.  - Nhận biết được hình chiếu trục đo và hình chiếu trục  đo vuông góc đều. |
| 14 | CĐ3- Bài 13. Bản vẽ kĩ thuật | 3 | C30,C31,  C32 | - Nhận biết được nguyên tắc cơ bản trong vẽ kỹ thuật.  - Đọc được thông tin từ một số bản vẽ kỹ thuật đơn giản.  - Vẽ được bản vẽ kỹ thuật đơn giản. |
| 15 | Bài tập cuối chuyên đề 3 | 1 | C33 | - Hệ thống kiến thức lý thuyết của chuyên đề.  - Hệ thống các dạng toán cơ bản của chuyên đề và nhắc lại ngắn gọn phương pháp giải cùng những lưu ý cần thiết. |
| 16 | Ôn tập và kiểm tra chuyên đề | 2 | C34,C35 | - Hệ thống kiến thức lý thuyết.  - Hệ thống các dạng toán cơ bản và phương pháp giải.  - Kiểm tra đánh giá việc lĩnh hội kiến thức và liên hệ  thực tiễn của HS. |

***Phú Thuận,* ngày 05 tháng 09 năm 2025**

**Tổ Trưởng Giáo viên**

****

**Lê Văn Lên Võ Thị Hoài Thu**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | | **PPCT CHUYÊN ĐỀ TOÁN LỚP 11**  **SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG**  **NĂM HỌC 2025-2026** | | |
| ***Chuyên đề: 35 tiết***  **TẬP 1 (HỌC KỲ I) 18 TUẦN**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | *Tuần* | *Sách GK + Ôn, KT* | *Chuyên đề* | *Cộng* | | *1-18* | 18 X 3 = 54 | 18 X 1=18 | 72 tiết | | | | | |
| TUẦN | TIẾT  THỨ | | BÀI DẠY | GHI CHÚ |
| 1 | 1 | | CĐ1 - Bài 1: Phép biến hình | T1/1 |
| 2 | 2 | | CĐ1 – Bài 2: Phép tịnh tiến | T1/2 |
| 3 | 3 | | CĐ1 – Bài 2: Phép tịnh tiến (tiếp theo) | T2/2 |
| 4 | 4 | | CĐ1- Bài 3: Phép đối xứng trục | T1/2 |
| 5 | 5 | | CĐ1- Bài 3: Phép đối xứng trục (tt) | T2/2 |
| 6 | 6 | | CĐ1- Bài 4: Phép quay và phép đối xứng tâm | T1/4 |
| 7 | 7 | | CĐ1- Bài 4: Phép quay và phép đối xứng tâm | T2/4 |
| 8 | 8 | | CĐ1- Bài 4: Phép quay và phép đối xứng tâm | T3/4 |
| 9 | 9 | | CĐ1- Bài 4: Phép quay và phép đối xứng tâm | T4/4 |
| 10 | 10 | | CĐ1- Bài 5: Phép dời hình | T1/2 |
| 11 | 11 | | CĐ1- Bài 5: Phép dời hình | T2/2 |
| 12 | 12 | | CĐ1- Bài 6: Phép vị tự | T1/2 |
| 13 | 13 | | CĐ1- Bài 6: Phép vị tự | T2/2 |
| 14 | 14 | | CĐ1- Bài 7: Phép đồng dạng | T1/2 |
| 15 | 15 | | CĐ1- Bài 7: Phép đồng dạng | T2/2 |
| 16 | 16 | | CĐ1- Bài tập cuối chuyên đề 1 | T1/3 |
| 17 | 17 | | CĐ1- Bài tập cuối chuyên đề 1 (tiếp theo) | T2/3 |
| 18 | 18 | | CĐ1- Bài tập cuối chuyên đề 1 (tiếp theo) | T3/3 |
|  | | | | |
| TẬP 2 (HỌC KỲ II) 17 tuần   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | *Tuần* | *Sách GK + Ôn, KT* | *Chuyên đề* | *Cộng* | | *1-17* | 17 X 3 = 51 | 17 X 1 = 17 | 68 tiết | | | | | |
| 19 | 19 | | CĐ2- Bài 8: Một số khái niệm cơ bản | T1/2 |
| 20 | 20 | | CĐ2- Bài 8: Một số khái niệm cơ bản (tiếp theo) | T2/2 |
| 21 | 21 | | CĐ2- Bài 9: Đường đi Euler và đường đi Hamilton | T1/2 |
| 22 | 22 | | CĐ2- Bài 9: Đường đi Euler và đường đi Hamilton (tt) | T2/2 |
| 23 | 23 | | CĐ2- Bài 10: Bài toán tìm đường đi tối ưu trong một vài trường hợp đơn giản | T1/2 |
| 24 | 24 | | CĐ2- Bài 10: Bài toán tìm đường đi tối ưu trong một vài trường hợp đơn giản (tiếp theo) | T2/2 |
| 25 | 25 | | CĐ2- Bài tập cuối chuyên đề 2 | T1/3 |
| 26 | 26 | | CĐ2- Bài tập cuối chuyên đề 2 (tiếp theo) | T2/3 |
| 27 | 27 | | CĐ2- Bài tập cuối chuyên đề 2 (tiếp theo) | T3/3 |
| 28 | 28 | | CĐ3- Bài 11: Hình chiếu vuông góc và hình chiếu trục đo | T1/2 |
| 29 | 29 | | CĐ3- Bài 11: Hình chiếu vuông góc và hình chiếu trục đo (tiếp theo) | T2/2 |
| 30 | 30 | | CĐ3- Bài 12: Bản vẽ kĩ thuật | T1/3 |
| 31 | 31 | | CĐ3- Bài 12: Bản vẽ kĩ thuật (tiếp theo) | T2/3 |
| 32 | 32 | | CĐ3- Bài 12: Bản vẽ kĩ thuật (tiếp theo) | T3/3 |
| 33 | 33 | | CĐ3- Bài tập cuối chuyên đề 3 | T1/3 |
| 34 | 34 | | CĐ3- Bài tập cuối chuyên đề 3 | T2/3 |
| 35 | 35 | | CĐ3- Bài tập cuối chuyên đề 3 | T3/3 |